

Số: /TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

## **TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2 dự thảo Nghị quyết “Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum”, cụ thể như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

Tại Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) quy định: “Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này; b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

Tại Tiết b, Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP<sup>1</sup> quy định: “Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học”.

Thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020

<sup>1</sup> đính chính lại một số nội dung tại Văn bản số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20 tháng 7 năm 2021.

của Bộ Chính trị “*về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*”, với mục tiêu đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Qua rà soát, hiện toàn tỉnh có khoảng 250 đối tượng có khó khăn khác của địa phương nhưng chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; các nhóm đối tượng này có nhiều hạn chế trong quá trình tham gia lao động tăng thu nhập phát triển kinh tế hộ; cần có chính sách hỗ trợ nhằm trợ giúp họ giảm bớt một phần khó khăn trong đời sống, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Từ các cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Đảm bảo thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, góp phần triển khai hiệu quả các biện pháp an sinh xã hội; hỗ trợ các nhóm dân cư yếu thế, dễ bị tổn thương ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, các dịch vụ xã hội cơ bản.

### **2. Quan điểm**

- Đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chính sách trợ giúp xã hội xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, không trùng lặp với chính sách của Trung ương, của tỉnh; có sự ưu tiên đối với từng nhóm đối tượng cụ thể, đảm bảo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội tại địa phương.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>2</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chủ trì tổ chức khảo sát thực tế để làm cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết sát với thực tế và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan, cơ quan chủ trì đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi lấy ý kiến tham gia của các địa phương, đơn vị có liên quan; đồng thời đăng tải dự thảo Tờ trình, Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử

<sup>2</sup> Thông báo số 24/TB-TTHĐND ngày 28-9-2021 Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết qui định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa qui định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum

tỉnh để lấy ý kiến theo quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị và thẩm định của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp thu, giải trình và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận cho ý kiến<sup>3</sup> trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều, cụ thể:

##### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

###### **1.** Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

###### **2.** Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội trong và ngoài công lập; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; đối tượng thuộc diện trợ giúp xã hội khẩn cấp.

- Các đối tượng khó khăn khác của địa phương chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum:

**1.** Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là 360.000 đồng/tháng.

**2.** Mức trợ giúp xã hội, đối tượng bảo trợ xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**3.** Các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội không quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng mức hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**4.** Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

**Điều 3.** Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, được hưởng chính sách trợ giúp xã hội:

**1.** Đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng

<sup>3</sup> tại Phiên họp thường kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 10 năm 2021.

chiến bị nhiễm chất độc hóa học thuộc diện hưởng chính sách trợ giúp xã hội;

2. Trẻ em dưới 16 tuổi (*không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 7, Điều 5, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) có cha hoặc mẹ bị khuyết tật đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội ngoài cộng đồng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, thu nhập trung bình;

3. Trẻ em dưới 16 tuổi (*không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 7, Điều 5, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) có cha và mẹ bị khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội ngoài cộng đồng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, thu nhập trung bình;

4. Người nhiễm HIV không thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng.

5. Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này nhân với hệ số 1,5 và hưởng chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

6. Thời gian thực hiện kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

**Điều 4.** Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội do ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo cơ chế hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh do Trung ương ban hành và được Thủ tướng Chính phủ quyết định, kết hợp nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp để triển khai thực hiện. Riêng kinh phí hỗ trợ đối tượng khó khăn khác của địa phương theo Nghị quyết này (*ngoài đối tượng được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 5.** Tổ chức thực hiện.

(*Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định số 283/BC-STP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Sở Tư pháp và tài liệu có liên quan*).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân Khóa XII, kỳ họp thứ 2 xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội,  
Tài chính, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.<sub>NTMD</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**

